

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/11/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thuý Liễu

Bà Trần Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 742/2024/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Yến N**, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Xung E**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Yến N trình bày:

Bà và ông Trần Xung E tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/6/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và ông Xung E nhiều lần có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù, dù bà đã 01 lần bỏ qua, nhưng ông Xung E vẫn không thay đổi mà còn tiếp tục qua lại với người phụ nữ khác, hiện nay bà vẫn còn lưu giữ tin nhắn giữa ông Xung E và người phụ nữ đó. Hơn nữa ông Xung E còn lời lẽ đe dọa sẽ giết bà nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6/2024 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Trần Xung E.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 16/5/2014, Trần Ngọc Phương N1 (nữ), sinh ngày 28/10/2016 và Trần Đăng K (nam), sinh ngày 15/5/2023. Hiện nay ông Xung E là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu, nhưng bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Xung E phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn, ông Trần Xung E trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình tiến tới hôn nhân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn thì bà trình bày có một phần chưa đúng, việc nhắn tin chỉ là chuyện bình thường trên mạng xã hội, ông không có mối quan hệ với người phụ nữ khác như bà N đã trình bày. Ngoài ra, bà N cũng nhắn tin qua lại với người khác và hiện này ông vẫn còn lưu giữ những tin nhắn đó. Về việc bà N cho rằng ông hăm dọa giết là không đúng, trong lúc nóng giận ông chỉ la chửi, không hăm dọa như bà N đã trình bày. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà N và cũng không muốn các con phải thiếu thốn tình thương của cha hoặc mẹ nên ông không muốn ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 16/5/2014, Trần Ngọc Phương N1 (nữ), sinh ngày 28/10/2016 và Trần Đăng K (nam), sinh ngày 15/5/2023. Hiện nay ông là người trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng nếu như Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn, về con chung thì nguyên đơn cho rằng có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng và thu nhập hàng tháng 4.500.000đồng và có thể cao hơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Đăng K, giao cháu Yến V và cháu Phương N1 cho ông Xung E nuôi dưỡng, nguyên đơn cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng cho cháu Đăng K.

Bị đơn thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, nay nguyên đơn cho rằng không còn tình cảm và cương quyết ly hôn nên bị đơn đồng ý ly hôn. Về con chung thì hiện nay bị đơn đang trong thời gian dưỡng bệnh chưa có thu nhập, nhưng đang sống chung với ông bà nội của các cháu nên cuộc sống cũng đảm bảo. Nếu giao con nguyên đơn nuôi thì bị đơn sẽ gặp khó khăn trong việc thăm nom, ảnh hưởng đến môi trường sống của cháu nên bị đơn không đồng ý giao cháu Đăng K cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Do không đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng nên bị đơn không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng cho cháu Đăng K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, hôn nhân giữa bà N và ông Xung E là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng đã có thời gian hạnh phúc đến năm 2023. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cả hai đều nghi ngờ lẫn nhau và cho rằng có mối quan hệ bất chính với người khác. Ông, bà cũng đã có thời gian dài sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay nhưng vẫn không tìm ra biện pháp để hàn gắn, đồng thời cả hai đều xác định có mâu thuẫn và cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Mặt khác, bà N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, và Xung E cũng không muốn tiếp tục hàn gắn để chung sống nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và ông, bà cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên công nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 03 con chung tên Trần Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 16/5/2014, Trần Ngọc Phương N1 (nữ), sinh ngày 28/10/2016 và Trần Đăng K (nam), sinh ngày 15/5/2023, hiện nay ông Xung E là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu V, cháu N1 có nguyện vọng sống với ông Xung E và bà N đồng ý giao 02 cháu cho ông Xung E nên tiếp tục giao cháu V, cháu N1 cho ông Xung E nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc cấp dưỡng cho cháu V, cháu N1 mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Đối với cháu K cũng được ông Xung E chăm lo và đảm bảo cuộc sống của cháu trong thời gian ông, bà sống ly thân. Tuy nhiên, do cháu K dưới 36 tháng tuổi và điều kiện nuôi dưỡng của bà N tốt hơn nên giao cháu K cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu K, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Xung E đều xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Võ Thị Yến N và ông Trần Xung E.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Yến V (nữ), sinh ngày 16/5/2014 và Trần Ngọc Phương N1 (nữ), sinh ngày 28/10/2016 cho ông Xung E trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu N1 mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu V, cháu N1 đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Đăng K (nam), sinh ngày 15/5/2023 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Xung E không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Xung E, bà N không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Xung E đều xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà N phải chịu. Bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004458 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về án phí cấp dưỡng: 300.000đồng, bà N phải chịu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ